

Quảng Bình, ngày 28 tháng 6 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(Tên tiếng Anh: INTELLECTUAL PROPERTY LAW)

- Mã số học phần: LUSHTT.011

- Số tín chỉ: 02

Số giờ tín chỉ: 30 (trong đó: lý thuyết: 15, bài tập: 15)

- Ngành học: Luật

- Loại học phần: Bắt buộc

- Bộ môn phụ trách: Luật

Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Hoàng Thủy

Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: 1. ThS. Phùng Thị Loan

2. ThS. Phan Thị Thu Hiền

2. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành các học phần: Luật hiến pháp Việt Nam, Lý luận nhà nước và pháp luật (Học phần 1,2).

3. Mục tiêu của học phần

+ Về kiến thức

Môn học trang bị cho người học những kiến thức về cơ sở của bảo hộ trí tuệ, các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. Môn học hướng tới cung cấp những kiến thức quan trọng nhằm giúp sinh viên am hiểu pháp luật về sở hữu trí tuệ, đáp ứng yêu cầu thực hành nghề nghiệp của cử nhân Luật theo chuẩn đầu ra của ngành.

+ Về kỹ năng

Giúp người học có kỹ năng phân tích, đánh giá những quan hệ về sở hữu trí tuệ của bản thân mình và các chủ thể khác, có khả năng vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các quan hệ pháp luật phát sinh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng để sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có thể tư vấn, hỗ trợ và thực thi các biện pháp, cách thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

+ Về thái độ

Người học nhận thức rõ vai trò của môn học, có ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ đồng thời có thái độ đúng đắn phòng, chống lại hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ. Hiện tại và trong nghề nghiệp tương lai biết bảo vệ và đấu tranh bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và của người khác.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	<i>Về kiến thức</i>
CDR1	Người học hiểu được đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật sở hữu trí tuệ; phân biệt và biết sử dụng nguồn của Luật sở hữu trí tuệ trong thực tiễn; nhận thức được quá trình phát triển của pháp luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.
CDR2	Người học phân tích và xác định được các quy định của pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan như khái niệm, các nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả, tác phẩm, chủ thể và nội dung quyền tác giả và quyền liên quan...; người học cũng hiểu được kiến thức và có thể áp dụng vào thực tế cuộc sống các quy định của pháp luật về hợp đồng chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan.
CDR3	Người học phân tích được khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu công nghiệp; xác định được đối tượng, chủ thể và quyền sở hữu công nghiệp; người học cũng có được kiến thức và có thể áp dụng vào thực tế cuộc sống các quy định của pháp luật về hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp.
CDR4	Người học hiểu được những kiến thức sâu sắc về quyền đối với giống cây trồng; xác định được chủ thể và nội dung quyền đối với giống cây trồng và những quy định pháp luật về chuyển giao quyền đối với giống cây trồng.

CDR5	Người học phân tích được hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và nhận thức được biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.
	Về kỹ năng
CDR6	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu, phân tích, đánh giá đúng các vấn đề pháp lý; - Biết cách tra cứu văn bản pháp luật sở hữu trí tuệ, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn; - Kỹ năng nghiên cứu và lập luận; - Kỹ năng phân tích luật; - Tự cập nhật các kiến thức pháp luật mới và thực tiễn áp dụng về pháp luật sở hữu trí tuệ; - Kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề về luật sở hữu trí tuệ.
CDR7	Phân tích, bình luận bản án, quyết định của cơ quan tài phán; nghiên cứu, giải quyết những vấn đề pháp lý về sở hữu trí tuệ; kỹ năng đàm phán, thương lượng, soạn thảo hợp đồng liên quan đến sở hữu trí tuệ.
CDR8	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng làm việc độc lập, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo; - Có kỹ năng làm việc nhóm; - Có khả năng giao tiếp, trình bày và truyền thông; - Có khả năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; - Có kỹ năng viết và trình bày rõ ràng một vấn đề, làm báo cáo một cách thuần thục. - Có khả năng thích ứng với môi trường công việc trong nước và quốc tế luôn có sự biến động.
	Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)
CDR9	<ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan; - Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, có đạo đức tốt, có lòng nhân ái; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một luật gia, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội; - Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; - Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; - Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề ngày một hiệu quả cao.

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học là hệ thống kiến thức về cơ sở pháp lý nhằm bảo vệ các quan hệ sở hữu trí tuệ, chống lại hành vi vi phạm bản quyền và sở hữu công nghiệp. Môn học bao gồm các nội dung: quyền tác giả và các quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

6. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 KHÁI NIỆM LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

1.1 Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ

1.2 Nguồn của luật sở hữu trí tuệ

1.3 Quá trình phát triển của luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam

CHƯƠNG 2 QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN

2.1 Quyền tác giả

2.1.1 Khái niệm và đặc điểm của quyền tác giả

2.1.2 Các nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả

2.1.3 Tác phẩm

2.1.4 Chủ thể của quyền tác giả

2.1.5 Nội dung quyền tác giả

2.2 Quyền liên quan

2.2.1 Khái niệm và đặc điểm của quyền liên quan

2.2.2 Chủ thể của quyền liên quan

2.2.3 Nội dung của quyền liên quan

2.2.4 Thời hạn bảo hộ quyền liên quan

2.3 Hợp đồng chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan

2.3.1 Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan

2.3.2 Hợp đồng sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan

CHƯƠNG 3 QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

3.1 Khái niệm và đặc điểm của luật quyền sở hữu công nghiệp

3.2 Đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp

3.3 Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp

3.4 Nội dung quyền sở hữu công nghiệp

3.5 Xác lập quyền sở hữu công nghiệp

3.6 Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

CHƯƠNG 4 QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG

4.1 Khái niệm, nguyên tắc và điều kiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng

4.2 Chủ thể và nội dung quyền đối giống cây trồng

4.3 Chuyển giao đối với giống cây trồng

CHƯƠNG 5 BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

5.1 Khái niệm, đặc điểm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

5.2 Xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

5.3 Biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Khác (*)
1	KHÁI NIỆM LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ	4	2	2			
2	QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN	7	4	3			
3	QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	8	4	4			
4	QUYỀN ĐỐI VỚI GIÓNG CÂY TRỒNG	5	3	2			
5	BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ	6	3	3			

(*) Các hình thức tổ chức học tập khác như ngoại khóa, ...

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các chương) của học phần

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9
1	x					x	x	x	x
2		x				x	x	x	x
3			x			x	x	x	x
4				x		x	x	x	x
5					x	x	x	x	x

8. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp tổ chức các hoạt động, phương pháp xử lý tình huống, phương pháp làm việc nhóm...

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ số tiết học theo quy định (tối thiểu là 80% số giờ)
- Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động trong việc thu thập tài liệu tham khảo. Đọc, phân tích và nhận xét các tài liệu khi học từng chương, mục.
- Làm bài kiểm tra đúng hạn và thỏa mãn các nội dung giảng viên yêu cầu.
- Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

10. Tài liệu phục vụ cho học phần

10.1. Tài liệu bắt buộc

[1] PGS.TS. Phùng Trung Tập (chủ biên) (2015), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb CAND, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] TS. Đoàn Đức Lương (chủ biên) (2011), *Giáo trình Pháp luật sở hữu trí tuệ*, Nxb ĐH Huế.

[2] Đinh Văn Thanh (2002), *Giáo trình Luật Dân sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

[3] Ngô Văn Thâu, (1996), *Các thuật ngữ cơ bản trong luật dân sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] Đinh Thị Mai Phương (2004), *Cẩm nang pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ*, NXB CT - QG, Hà Nội.

11. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	<i>Chuyên cần, thái độ</i> - Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài - Tích cực thảo luận	Quan sát, điểm danh.	5%

2	<i>Kiểm tra thường xuyên</i> - Nội dung kiến thức 1: Vấn đề vi phạm quyền tác giả tại Việt Nam. - Nội dung kiến thức 2: Vấn đề vi phạm quyền sở hữu công nghiệp và giống cây trồng ở Việt Nam.	- Bài kiểm tra viết - Bài tập - Thuyết trình báo cáo	35%
3	<i>Thi kết thúc học phần</i>	Viết hoặc vấn đáp	60%

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá

Chương	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9
1	x					x	x	x	x
2		x				x	x	x	x
3			x			x	x	x	x
4				x		x	x	x	x
5					x	x	x	x	x

HIỆU TRƯỞNG TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN

PGS.TS. Hoàng Dương Hùng

ThS. Phùng Thị Loan

ThS. Nguyễn Hoàng Thủy